TÒA ÁN NHÂN DÂN **KV 2 - LĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 8 – 2025
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 2 - LĐ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đình Nhân.

Bà Đinh Thị Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thảo Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân KV 2 - LĐ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LĐ tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân KV 2 - LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2025/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về vụ việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2025/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2025/QĐST - DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 266/2025/QĐST - DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà V, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông L. Bà T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số A, quốc lộ 20, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà V có mặt. Ông L, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn bà V trình bày:*

Ngày 14/9/2023, vợ chồng ông L, bà T nhận nợ bà V số tiền 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Hai bên có lập "*Ghi nhận nợ*" bằng tay với nhau, có chữ ký của ông L và bà T. Giấy nhận nợ do ông L và bà T viết và ký nhận. Thời hạn vay là đến ngày 14 tháng 10 năm 2023 (tức trong vòng một tháng) ông L và bà Tuyên phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 135.000.000 đồng bà đã cho ông L và bà T vay. Mục đích để đáo hạn ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất.

Sau nhiều lần đòi nợ thì vợ chồng ông L, bà T thanh toán được cho bà số tiền cụ thể như sau: Ngày 18/9/2023, ông L, bà T trả cho bà số tiền là

5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngày 19/9/2023, ông L, bà T trả cho bà số gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ngày 16/10/2023, ông L, bà T trả cho bà số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ngày 16/11/2023, ông L, bà T trả cho bà số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngày 23/11/2023, ông L, bà T trả cho bà số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cả 05 lần ông L, bà T đã trả cho bà số tiền là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Số tiền này ông L và bà T trả cho bà thông qua hình thức chuyển khoản. Như vậy, số tiền ông L và bà T còn nợ lại bà là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông L và bà T phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn nợ lại là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi cho bà với mức lãi suất là 0,83%/tháng cho đến ngày xét xử.

** Theo bị đơn ông L, bà T:*

- Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V và cũng như không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

** Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.*

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LĐ:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LĐ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V. Buộc bị đơn ông L, bà T có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và số tiền 18.260.000 đồng lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa nguyên đơn bà V và bị đơn ông L, bà T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông L, bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông L, bà T.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân KV 2 - LĐ.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V yêu cầu ông L, bà T có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng gốc và lãi suất từ ngày 15/10/2023 đến nay là 22 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, thì thấy rằng:

Tại phiên tòa, bà V thừa nhận trước ngày 14/9/2023, bà V cho vợ chồng ông L vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Sự việc này phù hợp với tài

liệu, chứng cứ sao kê Ngân hàng bà V cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Sau đó, vợ chồng ông L trả được cho bà V số tiền 1.365.000.000 đồng, còn nợ lại bà V số tiền 135.000.000 đồng nên ngày 14/9/2023, ông L, bà T nhận nợ bà V số tiền 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Hai bên có lập "*Ghi nhận nợ*" ngày 14/9/2023 do ông L, bà T ký nhận.

Tại giấy nhận nợ đề ngày 14/9/2023 (bút lục 21) do bà V cung cấp thể hiện ông L, bà T nợ bà V số tiền 135.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 14/10/2023 trả cho bà V, không thể hiện lãi suất. Đến hạn bà V đòi nhiều lần thì ông L, bà T trả được cho bà V 35.000.000 đồng nợ gốc bằng hình thức chuyển khoản. Ông L, bà T còn nợ lại bà V 100.000.000 đồng nợ gốc. Nay bà V yêu cầu ông L, bà T trả cho bà V số tiền 100.00.000 đồng nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bà V xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà V. Trong khi, Toà án đã tống đạt các V bản tố tụng cho ông L, bà T nhưng ông L, bà T không có ý kiến gì. Do đó, cần buộc ông L, bà T trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với khoản tiền lãi bà V yêu cầu ông L, bà T trả cho bà V lãi từ ngày 15/10/2023 đến ngày xét xử là 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng = 18.260.000 đồng lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hai bên không thỏa thuận lãi suất, còn thời hạn trả nợ là ngày 14/10/2023 nên bà V yêu cầu lãi suất 10%/năm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, buộc ông L, bà T trả cho bà V số tiền 18.260.000 đồng lãi.

Từ phân tích và nhận định trên, cần buộc bị đơn ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và số tiền 18.260.000 đồng lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V nên buộc bị đơn ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới phải chịu 5.913.000 đồng (118.260.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung 2025).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về vụ việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn ông L, bà T.

Buộc ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng gốc và số tiền 18.260.000 đồng lãi (Tổng cộng là 118.260.000 đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới phải chịu 5.913.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà V số tiền 2.892.175 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án còn thừa theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000362 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là Phòng KV 2 - LĐ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà V có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông L, bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân KV 2 - LĐ;
- Phòng THADS KV 2 - LĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ